**Mẫu 1**

11/2014/TT-BKHCN

### CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2018*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: *Nghiên cứu đánh giá diễn thế phục hồi hệ sinh thái rừng và đề xuất giải pháp bảo tồn tại khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai.*

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*

- Khác *(ghi cụ thể)*: đề tài độc lập thuộc lĩnh vực Tự nhiên, Nông, lâm, ngư nghiệp

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung: Lựa chọn được các hệ sinh thái rừng đã phục hồi để chuyển sang hệ thống rừng đặc dụng cho khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai.

Mục tiêu cụ thể gồm:

- Đánh giá, lựa chọn và sắp xếp được các loại diễn thế phục hồi hệ sinh thái rừng thành các nhóm đặc trưng.

- Đề xuất được các giải pháp bảo tồn và khả năng chuyển các hệ sinh thái rừng phục hồi sang các hình thức bảo tồn khác nhau khi cần thiết.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Trần Lâm Đồng

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Việt Nghiên cứu Lâm sinh

5. Tổng kinh phí thực hiện: 5.920 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 5.920 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 10 năm 2015

Kết thúc: tháng 9 năm 2018

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
|  | Trần Lâm Đồng | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Nguyễn Thị Thuỳ | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Phạm Quang Tuyến | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Ninh Việt Khương | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Phùng Đình Trung | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Nguyễn Thị Thu Phương | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Hoàng Thanh Sơn | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Trịnh Ngọc Bon | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Đỗ Thị Thanh Hà | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Nguyễn Huy Hoàng | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |

Ngoài ra, các cán bộ tham gia thực hiện đề tài bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số****TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
|  | Trần Hoàng Quý | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Phạm Tiến Dũng | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Dương Quang Trung | Thạc sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Nguyễn Văn Tuấn | Kỹ sư | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Trần Văn Con | PGS. TS | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Nguyễn Huy Sơn | PGS. TS | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Triệu Thái Hưng | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Lê Thị Vân Huệ | Tiến sĩ | Viện Tài nguyên môi trường,Đại học Quốc gia Hà Nội |
|  | Nguyễn Thị Diễn | Tiến sĩ | Đại học Nông nghiệp Hà Nội |
|  | Nguyễn Minh Quốc | Thạc sĩ | Viện Tài nguyên môi trường,Đại học Quốc gia Hà Nội |
|  | Vũ Thục Hiền | Thạc sĩ | Uỷ ban Con người và Sinh Quyển, MAB |
|  | Trần Văn Thắng | Tiến sĩ | Viện Khoa học Môi trường và Xã hội |
|  | Trần Duy Rương | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Lâm sinh |
|  | Võ Quang Trung | Thạc sĩ | KBTTN-VH Đồng Nai  |
|  | Nguyễn Văn Linh | Kỹ sư | KBTTN-VH Đồng Nai  |
|  | Lương Văn Dũng | Thạc sĩ | Trường Đại học Đà Lạt |
|  | Trần Văn Mùi | Tiến sĩ | KBTTN-VH Đồng Nai  |
|  | Nguyễn Hoàng Hảo | Tiến sĩ | KBTTN-VH Đồng Nai  |
|  | Nguyễn Lân Hùng Sơn | PGS. TS | Khoa Sinh học, Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Lê Trung Dũng | Thạc sĩ | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Nguyễn Vĩnh Thanh | Tiến sĩ | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Bùi Minh Hồng | PGS. TS | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Lê Quỳnh Trang | Thạc sĩ | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Trần Nam Hải | Thạc sĩ | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Trần Đức Hậu | Tiến sĩ | Đai học Sư phạm Hà Nội |
|  | Hồ Quang Đức | PGS. TS | Viện Thổ nhưỡng Nông hoá  |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | Số lượng | Khối lượng | Chất lượng |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
|  | Báo cáo Tổng kết đề tài |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo tổng hợp các nghiên cứu đa dạng các hệ sinh thái rừng trong Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo tổng hợp thực trạng các hệ sinh thái rừng Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo tổng hợp thực trạng và vai trò của con người quản lý và bảo tồn các hệ sịnh thái rừng trong Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo phân loại diễn thế hệ sinh thái rừng ở Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo phân tích đặc điểm của các loại diễn thế hệ sinh thái rừng ở Khu dự trữ Sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo yêu cầu kỹ thuật các hệ sinh thái rừng phục hồi đưa vào bảo tồn |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo phân loại các hệ sinh thái nhân văn và đánh giá phân tích mối quan hệ tương tác giữa cộng đồng và các hệ sinh thái rừng trong Khu Dự trữ Sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo điều kiện của một số hệ sinh thái nhân văn đưa vào bảo tồn |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo tiêu chí xác định hệ sinh thái rừng đảm bảo hài hòa về mặt tự nhiên và con người có thể đưa vào bảo tồn |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo lựa chọn các hệ sinh thái rừng điển hình đề xuất đưa vào theo dõi nghiên cứu diễn thế phục hồi trong thời gian tới |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo các giải pháp quản lý, phục hồi và bảo tồn cho từng loại diễn thế sinh thái tổng hợp về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội, thể chế và chính sách |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Báo cáo các giải pháp quản lý, phục hồi và bảo tồn cho từng loại diễn thế sinh thái về mặt kỹ thuật |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Sổ tay nhận biết các loài thực vật phổ biến ở Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Tập 1 |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Sổ tay hướng dẫn phương pháp đánh giá rừng phục hồi cho bảo tồn |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Bản đồ hiện trạng các pha diễn thế phục hồi rừng |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
|  | Chương trình cập nhật và tính toán các chỉ số cho diễn thế rừng phục hồi Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Sổ tay nhận biết các loài thực vật phổ biến ở Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Tập 1 | Tháng 12/2018 | KDTSQ Đồng Nai  |  |
| 2 | Sổ tay hướng dẫn phương pháp đánh giá rừng phục hồi cho bảo tồn | Tháng 12/2018 | KDTSQ Đồng Nai  |  |
| 3 | Bản đồ hiện trạng các pha diễn thế phục hồi rừng | Tháng 12/2018 | KDTSQ Đồng Nai |  |
| 4 | Chương trình cập nhật và tính toán các chỉ số cho diễn thế rừng phục hồi Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai | Tháng 12/2018 | KDTSQ Đồng Nai  |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đề tài đã xác định được 8 chuỗi diễn thế của hai kiểu rừng chủ đạo ở Khu DTSQ Đồng Nai: rừng cây gỗ lá rộng thường xanh và rừng cây gỗ lá rộng nửa rụng lá. Các loại diễn thế rừng phục hồi ở Khu DTSQ Đồng Nai được xác định dựa trên tổng hợp các phương pháp khách quan hiện đang được áp dụng trên thế giới nên kết quả có độ tin cậy cao. Điểm mới của đề tài là đã đưa ra căn cứ khoa học cho mối quan hệ giữa trữ lượng và tổ thành rừng và từ đó cho phép sử dụng trữ lượng như là một chỉ tiêu gián tiếp phản ánh sự thay đổi tổ thành thực vật trong quá trình diễn thế. Cách tiếp cận về phương pháp của đề tài cũng được khái quát hoá để có thể áp dụng rộng rãi trong nghiên cứu diễn thế phục hồi rừng ở Việt Nam.

Nghiên cứu các hệ sinh thái-xã hội ở khu vực và tương tác giữa cộng đồng với rừng đã xác định được hai nhóm cộng đồng với các tác động đặc trưng đến rừng. Từ kết quả nghiên cứu đề tài cũng chỉ ra được các tồn tại trong một số chính sách hiện đang được áp dụng ở khu vực và đưa ra những khuyến nghị nhằm hài hoà sự phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng và sự phát triển của rừng.

Đề tài đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá mức độ phục hồi rừng dựa trên kết quả nghiên cứu và cách tiếp cận mới nhất trên thế giới. Kết quả đánh giá sử dụng bộ tiêu chí này sẽ hỗ trợ quá trình ra quyết định trong quản lý và bảo tồn rừng. Nó cũng giúp xác định các diện tích rừng cần các biện pháp kỹ thuật tác động để đảm bảo phát triển theo đúng chiều hướng diễn thế. Khuyến nghị nhằm bảo tồn các hệ sinh thái rừng tự nhiên có giá trị bảo tồn cao sẽ giúp Khu DTSQ Đồng Nai thực hiện các bước tiếp theo nhằm bảo tồn các giá trị của rừng trong khu vực.

Đề tài đã xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ các giai đoạn diễn thế cho cả Khu DTSQ Đồng Nai. Chương trình quản lý dữ liệu và tính toán các chỉ tiêu trong điều tra rừng giúp Khu DTSQ Đồng Nai quản lý được số liệu điều tra và phục vụ cho việc xác định các giai đoạn diễn thế và mức độ phục hồi rừng trong tương lai. Sổ tay nhận biết các loài thực vật phổ biến sẽ trợ giúp trong quá trình sử dụng Sổ tay hướng dẫn đánh giá mức độ phục hồi. Sử dụng các công cụ này, Khu DTSQ Đồng Nai có thể tự điều tra, đánh giá mức độ phục hồi rừng mà ít cần đến sự hỗ trợ của chuyên gia.

3. Về hiệu quả về kinh tế và xã hội của nhiệm vụ:

Mặc dù đề tài không mang lại lợi ích bằng tiền trực tiếp, các kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị thực tiễn cao. Áp dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài thông qua một số chính sách sẽ giúp bảo tồn rừng hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo sự phát triển kinh tế và ổn định đời sống của cộng đồng sống gần rừng.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | [x]  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt* [x]

 *- Không đạt* [ ]

Giải thích lý do: Đề tài đã đạt được các yêu cầu về nội dung, số lượng và chất lượng theo như yêu cầu đặt hàng. Tuy nhiên, kết quả thực hiện của đề tài không tránh khỏi những thiếu sót và tồn tại.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.